|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu**

**quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ) và điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.
2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo những quy định tại các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến quy định, hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cáccơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thựchiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốcgia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*.*

**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ từ một Chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Các nguyên tắc khác về quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện dự án**

1. Thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đối với từng lĩnh vực nông, lâm và ngư nghiệp: Áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về định mức kinh tế kỹ thuật các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hoặc do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
2. Căn cứ theo quy mô thực tế về diện tích, số lượng cây trồng vật nuôi và định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho một số mô hình khuyến nông chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạchtrong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai   
đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn, 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn, 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa 01 tỷ đồng.

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

4. Mẫu hồ sơ

Thực hiện theo Phụ lục I (từ mẫu số 01, 02, 03, 04, 05) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Khảo sát, xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

b) Thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

b1) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do cấp tỉnh phê duyệt *(đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất được thực hiện trong phạm vi địa bàn từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên hoặc đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất do đơn vị cấp tỉnh được giao vốn).*

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì).

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có dự án, kế hoạch liên kết), đại diện các sở, ban, ngành có liên quan và mời chuyên gia độc lập tham gia (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b2) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do cấp huyện phê duyệt *(đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thị xã, thành phố)*

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gửi hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (cơ quan chủ trì).

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ và Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế, lãnh đạo phòng, ban chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyên gia độc lập (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

Bước 3: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 6. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạchtrong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định   
số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và Điều 5, Điều 6 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định   
số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); Điều 5, Điều 6 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT và nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn, 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa 01 tỷ đồng.

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

4. Mẫu hồ sơ

Thực hiện theo Phụ lục II (từ mẫu số 01, 02, 03, 04, 05) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổ phó là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng, lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

d) Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cơ quan chủ trì có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hay hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng Chương trình.

2. Vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cộng đồng dân cư, người dân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 8.** Các văn bản được viện dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trong Nghị quyết này nếu có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.